

TOP 4 CẢM NHẬN BÀI THƠ BẾP LỬA

Dàn ý cảm nhận bài thơ Bếp lửa

Mở bài:

- Bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt sáng tác năm 1963, khi tác giả là sinh viên du học ở Liên Xô.

Qua dòng hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ gọi lại những kỉ niệm xúc động của tình bà cháu, thể hiện tình cảm kính yêu và biết ơn vô hạn của cháu đối với bà, cũng là đối với quê hương, đất nước.

Thân bài: Hình ảnh bếp lửa gắn với những kỉ niệm vui buồn của tuổi thơ.

- Bếp lửa khơi dòng hoài niệm, khơi dòng cảm xúc. Từ áp iu gọi liên tưởng đến bàn tay khéo léo và tấm lòng kiên trì của người nhóm lửa. Người bà mỗi sớm nhen lên ngọn lửa, ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác, suốt một đời...

- Hồi tưởng về thời gian được sống trong tình yêu thương, chăm chút của bà.

- Cuộc sống nhọc nhằn của hai bà cháu trước cách mạng và trong kháng chiến, hàng loạt hình ảnh gợi tả, gợi cảm: đói mòn đói mỏi, khô rạc ngựa gầy, xóm làng bị giặc đốt cháy tàn cháy rụi... in đậm trong kí ức bi thảm của chú bé lên tám tuổi.

- Cha mẹ đi kháng chiến, cháu ở cùng bà, được bà chăm sóc: Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học...

+ Tuổi thơ vất vả gắn liền với bếp lửa bập bùng, bếp lửa hiện diện như tình thương ấm áp, như sự cum mang, an ủi của bà đối với đứa cháu nhỏ, như một phần cuộc đời gian truân của chính bà.

+ Tuy vất vả, nhọc nhằn nhưng bà vẫn vượt qua tất cả để các con yên tâm đánh giặc nơi chiến trường xa.

- Tình cảm thương yêu và biết ơn chân thành: Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.

+ Giữa người bà và bếp lửa như có những nét tương đồng. Bà là người áp iu giữ lửa, người nhóm lửa đặng ngọn lửa của tình thương trong mỗi gia đình luôn cháy sáng, nối kết quá khứ, hiện tại, tương lai.

Kết bài:

- Bài thơ Bếp lửa mang một ý nghĩa triết lí sâu sắc: Những gì là kỉ niệm thân thiết của tuổi thơ đều có sức toả sáng, nuôi dưỡng tâm hồn, nâng đỡ con người trong hành trình dài rộng của cuộc đời.

- Tình cảm gia đình là cơ sở vững chắc của tình yêu quê hương đất nước.

Bài văn mẫu 1: Cảm nhận bài thơ Bếp lửa

Bằng Việt là một trong những nhà thơ trưởng thành trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Với giọng văn tự sự, trữ tình riêng biệt, ông đã có những tập thơ để lại dấu ấn trong lòng người đọc như Hương cây – Bếp lửa, Những gương mặt những khoảng trời, Đất sau mưa... Bài thơ “Bếp lửa”, trích từ tập thơ Hương cây – Bếp lửa, là một trong những sáng tác xuất sắc nhất của nhà thơ khi khắc họa lại những ký ức về người bà ở quê nhà trong những năm tháng tác giả xa quê hương. Bếp lửa là những kỷ niệm khó phai về hình ảnh người bà trong trí tưởng tượng của nhà thơ, mỗi khi nhắc đến bếp lửa, hình ảnh người bà tảo tần lại ùa về trong ký ức.

Mở đầu bài thơ, hình ảnh “bếp lửa” được điệp lại đến hai lần, nhấn mạnh hình tượng trung tâm của bài thơ, là hình ảnh thân quen, khơi nguồn cảm xúc cho cháu. Từ láy “chòn vòn” tạc hình ngọn lửa, hay chính là kỷ niệm ùa về như ngọn lửa lòng thôi thúc người cháu. Nhớ về hình ảnh bếp lửa là nhớ về bàn tay tỉ mỉ của người bà, chắt chiu, gìn giữ, lo lắng cho đứa cháu ruột rà để rồi tạc vào lòng người đọc một tình cảm thiêng liêng là kết tinh của những hình ảnh ấy:

“Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”

Cụm từ biết mấy nắng mưa gợi về thành ngữ “mưa nắng dãi dầu”, nói lên sự khổ cực mà người bà chấp nhận để lo lắng, vun vén cho gia đình. Bài thơ gợi lại cả một thời tuổi nhỏ, nhọc nhằn, thiếu thốn của người cháu bên cạnh người bà, ở đó có cả bóng tối ghê rợn của nạn đói khủng khiếp năm 1945:

“Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi

Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy”

Thuở ấy, tuổi thơ của cháu gắn liền với 8 năm kháng chiến chống Pháp đầy tủi cực. Có những khi “Giặc đốt làng cháy tàn, cháy rụi” trong khi mẹ và cha bận công tác xa, đứa cháu ngây thơ chỉ biết sống trong vòng tay curu mang, đùm bọc của bà. “Bà bảo cháu nghe” từng câu chuyện quê hương, “bà dạy cháu làm” từng công việc trong nhà, “bà chăm cháu học” mỗi đêm trong làng vắng tiếng bom thù. Tất cả những nhỏ nhặt, tụn mồn trong cuộc sống đều đặt lên đôi vai của người bà tảo tần khiến bà phải kiên cường mạnh mẽ hơn bao giờ hết:

“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố

Mày có viết thư chớ kể này kể nọ

Cứ bảo nhà vẫn được bình yên”

Câu nói ấy của bà đã theo tác giả suốt ngàn ấy năm mà không thể nào quên được. Đó là câu nói thể hiện sự hy sinh to lớn của những bà mẹ. Hình ảnh bà bao giờ cũng ám áp yêu thương và tình cảm hai bà cháu bao giờ cũng thấm thiết sâu nặng không dễ gì quên:

“Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng”

Từ “bếp lửa” được cụ thể ở trên đến hai câu dưới, nhà thơ dùng từ ngọn lửa mà không nhắc lại “bếp lửa”. “Ngọn lửa” ở đây mang một ý nghĩa khái quát rộng lớn, sâu xa hơn: Đó là ngọn lửa của niềm hy vọng, có sức sống bền bỉ của tình bà cháu, tình quê nhà nông đượm. Bếp lửa chỉ làm nông ấm câu thơ nhưng hình ảnh “ngọn lửa” tỏa sáng từng dòng thơ lung linh hình ảnh của bà ấm lòng người đọc. Hình ảnh bà là hình ảnh người nhóm lửa, giữ lửa và đặc biệt còn là người truyền lửa, ngọn lửa thiêng của sự sống niềm tin cho các thế hệ nối tiếp. Tác giả đã nhắc đến những điều ấy với tất cả sự quý trọng và lòng biết ơn đối với bà. Bởi nói đến bà là nói đến những cảnh tượng vật vờ, tảo tần:

“Lặn đận đời bà biết mấy nắng mưa

...

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi”.

Cụm từ “ấp iu nồng đượm” được lấy lại đến hai lần, nhưng ở đây không còn là hình ảnh “một bếp lửa” mà là hình ảnh “nhóm bếp lửa”. Đằng sau “biết mấy nắng mưa” của cuộc đời “lặn đận”, người bà vẫn nhen nhóm thắp lên ngọn lửa, không chỉ là ngọn lửa của thực tại mà còn là ngọn lửa của tình yêu thương, của sự ngọt bùi thơm thảo mang nặng tình cảm gia đình. Nhà thơ đã 10 lần nhắc đến hình ảnh bếp lửa và bên cạnh đó là người bà. Nhớ đến bà là cháu nhớ đến hình ảnh bếp lửa, nói đến hình ảnh bếp lửa là cháu lại nhớ ngay đến bà, vì hai hình ảnh này gắn bó với nhau suốt những năm dài gian khổ. Bếp lửa gắn với cuộc đời của bà với vẻ đẹp tảo tần, nhẫn nại, hy sinh. Bếp lửa đã thắp sáng niềm hy vọng, của sức sống bền bỉ, của tình ba cháu, tình quê hương. Hình ảnh bếp lửa ở đây vừa có nghĩa thực vừa có ý nghĩa tượng trưng, vừa gần gũi lại rất đỗi tự hào khiến Bằng Việt phải thốt lên:

“Ôi kỳ lạ và thiêng liêng – bếp lửa”.

Trở về với thực tại, nhà thơ đang ở nơi “đất khách” trên hành trình chinh phục con chữ về phát triển quê hương, chắc chắn sẽ không gặp phải khó khăn của “những năm đói mòn đói mòi” thế nhưng hình ảnh người bà tần tảo với bếp lửa sớm hôm vẫn luôn hiển hiện bởi đó là quá khứ, là tuổi thơ, là ký ức những tháng ngày khó nhọc cùng tình cảm thiêng liêng bất diệt:

“- Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa? ...”

Câu hỏi tu từ cùng nghệ thuật tu từ im lặng đã kết thúc bài thơ, thế nhưng lại mở ra biết bao cảm xúc trong lòng người đọc về những hoài niệm ân tình tha thiết và sâu nặng về tình cảm bà cháu. Bài thơ đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với miêu tả, tự sự và bình luận, thông qua việc sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh của người bà, làm điểm tựa khơi gợi mọi kỷ niệm, cảm xúc, suy nghĩ về tình bà cháu. Qua từng câu chữ trong bài thơ, hình ảnh người bà hiện lên lung linh, đẹp đẽ, thật đáng quý trọng và thương yêu trong tấm lòng của tác giả. Hình ảnh ấy gắn với bếp lửa bằng một vẻ đẹp bình dị trong đời sống thường nhật. Bếp lửa gợi lên những kỷ niệm ấm nồng, thấm thiết mà rất đổi thiêng liêng, trọn đời nâng đỡ và dưỡng nuôi tâm hồn.

Bài văn mẫu 2: Cảm nhận bài thơ Bếp lửa

Bằng Việt sinh năm 1941, quê tỉnh Hà Tây. Bằng Việt thuộc thế hệ các nhà thơ trẻ trưởng thành trong thời kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Ông thường đi vào khai thác những kỉ niệm, những kí ức thời thơ ấu và gợi những ước mơ tuổi trẻ. Thơ Bằng Việt sâu trầm, tinh tế, bình dị dễ làm lay động lòng người.

Bài thơ Bếp lửa được sáng tác năm 1963 khi tác giả rời xa quê hương học ngành luật ở Nga. Từ xa tổ quốc, nhà thơ bồi hồi nhớ về những kỉ niệm thời ấu thơ, nhớ về quê hương vẫn còn đang trong cuộc chiến đấu thương mất mát. Đặc biệt hình ảnh bếp lửa nồng đượm và người bà hiền hậu đã để lại trong lòng người đọc nhiều ấn tượng sâu sắc. Mở đầu bài thơ hiện lên hình ảnh bếp lửa ấm áp trong làn sương lạnh chốn đồng quê:

“Một bếp lửa chồn vờn sương sớm

Một bếp lửa ấp iu nồng đượm

Cháu thương bà biết mấy nắng mưa!”

Ba tiếng “một bếp lửa” được nhắc lại hai lần, trở thành điệp khúc mở đầu bài thơ với giọng điệu sâu lắng, khẳng định hình ảnh “bếp lửa” như một dấu ấn không bao giờ phai mờ trong tâm tưởng của nhà thơ. Đoạn thơ làm hiện hình lên trong tâm trí người đọc hình ảnh bếp lửa quen thuộc, gần gũi của chốn đồng quê Việt Nam bình dị hiền hòa. Một bếp lửa nhỏ lẩn khuất trong sương trong gió nhưng luôn nồng đượm và ấm áp. Trong mái lá nhà tranh, e ấp trong lũy tre làng từng đêm từng ngày bếp lửa tắt rồi lại được nhóm lên. Mấy ai là người Việt Nam mà không nhớ đến hình ảnh ấy. Bằng Việt đã lọc bỏ hết

mọi yếu tố xung quanh để cho bếp lửa trở thành hình ảnh trung tâm, gây chú ý sâu sắc đối với người đọc. Ánh sáng và hơi ấm dường như tỏa khắp không gian, ấm vào cả lòng người. Bếp lửa ấy không yên lặng mà nó luôn vận động. Từ láy “chờn vờn” rất thực như gọi nhớ, gọi thương đến dáng hình bập bùng, chập chờn của ngọn lửa trong kí ức. Ngọn lửa hắt hiu, chờn vờn theo gió, ấp iu biết bao nòng đượm, biết bao tình cảm mến yêu của con người. Hai từ láy “ấp iu” gọi nhớ đến bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chăm chút của người nhóm lửa, lại rất chính xác với công việc nhóm bếp hằng ngày. Từ đôi bàn tay cần cỗi của bà, ngọn lửa đã cháy lên. Rất tự nhiên, hình ảnh bếp lửa đã làm trỗi dậy tình yêu thương vốn đã rất nồng ấm trong tim người cháu:

“Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”.

Tình thương tràn đầy của cháu đã được bộc lộ một cách trực tiếp và giản dị. Đằng sau sự giản dị ấy là cả một tấm lòng, một sự thấu hiểu đến tận cùng những vất vả, nhọc nhằn, lam lũ của đời bà. Ngọn lửa ấy đã trải qua bao nắng mưa gió rét để bùng cháy lên mỗi sớm, mỗi chiều. Ngọn lửa ấy cháy lên cùng với niềm vui, ánh sáng và niềm tin vững chắc vào cuộc sống dù đang còn biết bao gian khổ, nguy nan. Ba câu thơ mở đầu đã diễn tả cảm xúc đang dâng lên cùng với những kí ức, hồi tưởng của tác giả về bếp lửa, về bà, là sự khái quát tình cảm của người cháu với cuộc đời lam lũ của người bà. Từ hình ảnh bếp lửa trong tâm tưởng, nhà thơ tìm về với kí ức tuổi thơ những ngày sống cùng bà. Nhà thơ nhớ rất rõ từng giai đoạn thời gian bởi nó gắn với những kỉ niệm không thể nào quên. Hồi tưởng bắt đầu từ hình ảnh bếp lửa gắn với người bà. Cụm từ bếp lửa được lặp lại, khắc họa rõ nét và làm hiện hình bếp lửa ấm áp và xa vời trong kí ức, từ hình ảnh bếp lửa về với quá khứ xa xôi năm 4 tuổi:

“Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói

Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi,

Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy,

Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu

Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!”

Kỉ niệm tuổi thơ bên cạnh bà là cuộc sống có nhiều gian khổ, thiếu thốn nhọc nhằn. Năm lên bốn tuổi, người cháu đã biết cùng bà nhóm lửa. Đó cũng là kỉ niệm xa xôi nhất trong kí ức mà người cháu còn nhớ được. Năm đó cũng là năm “đói mòn đói mỏi”. Cái đói khủng khiếp, cùng cực hiện rõ trong hình ảnh con ngựa kéo xe:

“Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy”

Đó chính là năm 1945, năm nạn đói xảy ra trên toàn miền Bắc. Sau khi vừa thoát khỏi chiến tranh, nước ta lại rơi vào những khó khăn, thách thức ghê gớm: nền kinh tế kiệt quệ, thiên tai, hạn hán liên tiếp xảy ra khiến cho công việc sản xuất ngưng trệ, mất mùa

liên miên. Toàn miền Bắc rơi vào nạn đói khủng khiếp nhất trong lịch sử. Thêm vào đó dịch bệnh bùng phát khắp nơi. Trải qua giai đoạn đen tối đó có tới hơn 2 triệu người chết. Quả thật, may mắn cho những ai vượt qua được nạn đói ấy. Cho đến bây giờ, nhớ về thời điểm ấy, tác giả vẫn còn thấy cay cay trong đôi mắt. Cay bởi vì khói bếp. Cay vì bởi thương bà, thương dân tộc phải quần vũ trong cơn bĩ cực của đời người. Kí ức đau thương ấy, mùi khói quen thuộc ấy cho đến bây giờ như còn vương vấn đâu đây. Thời gian đi qua, đủ sức để làm nhạt phai tất cả. Nhưng, những kỉ niệm bên bà nhóm lửa trong suốt tám năm ròng không thể nào phai mờ trong kí ức.

“Tám năm ròng, cháu cùng bà nhóm lửa” cũng tám năm cháu nhận được sự yêu thương, che chở, dưỡng nuôi tâm hồn từ tấm lòng của bà. Tám năm ấy, cháu sống cùng bà vất vả, gian truân, cực nhọc nhưng đầy tình yêu thương. Cách dẫn thời gian dài đằng đằng gọi lên những tháng năm làm lụi trong cuộc sống đói nghèo. Bố mẹ đi kháng chiến, tám năm cháu ở cùng bà. Tám năm, người bà thay cô thay mẹ chăm sóc, dưỡng nuôi và bảo vệ người cháu trước bao hiểm nguy, trắc trở. Chính bà là người đã dạy dỗ cháu nên người. Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế để nhắc nhở cháu về truyền thống gia đình, về những đau thương mất mát và cả những chiến công của dân tộc. Bà luôn bên cháu, dạy dỗ, chăm sóc cho cháu lớn lên. Từng ngày, từng ngày bếp lửa lại được nhóm lên cùng những bài học, những câu chuyện cùng lời nhắc nhở ân cần của bà. Bếp lửa như là dấu hiệu để mở đầu cho mọi hoạt động, dẫn dắt con người đi vào cuộc sống. Mỗi sớm bếp lửa cháy lên mở đầu ngày mới. Mỗi chiều bếp lửa lại cháy lên để khép lại một ngày và mở ra một miền sáng mới ấm áp và thân thương của sự đoàn tụ. Mỗi ngày, người cháu chứng kiến bà nhóm lửa. Từ những que củi vô tri, ngọn lửa ấm cháy lên như một phép màu. trông như dễ dàng nhưng không phải thế, những ngày mưa gió, củi ướt rơm ẩm, nhóm được bếp lửa quả thật gian nan biết chừng nào. Thế nên người cháu mỗi lần nhóm bếp lửa mà nghĩ về biết bao khó nhọc của bà. Bà và bếp lửa là chỗ dựa tinh thần, là sự chăm chút, đùm bọc dành cho cháu. Bếp lửa của quê hương, bếp lửa của tình bà lại gợi thêm một kỉ niệm tuổi thơ – kỉ niệm gắn với tiếng chim tu hú trên đồng quê mỗi độ hè về. Tiếng chim tu hú được nhắc lại đến bốn lần tạo nên một sự ám ảnh lớn. Lần thứ nhất, tiếng tu hú văng vẳng trên những cánh đồng xa, hiu hắt trong sương mờ, khói xám:

“Tu hú kêu trên những cánh đồng xa”

Lần thứ hai, nó lặp lại ngay sau đó trong câu hỏi đầy mền yêu:

“Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà?”

Lần thứ ba, tiếng tu hú thể thiết đi sâu vào nỗi buồn sâu thẳm thẳm:

“Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!”

Lần thứ tư trong lời tha thiết gọi mời của tác giả:

Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà,

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?”

Trong không gian đồng quê tiêu điều, xơ xác, tiếng chim tu hú gọi lên một nỗi buồn bã và sợ hãi khôn cùng. Trong bài thơ “Tiếng chim tu hú” của nữ sĩ Anh Thơ cũng gọi tả tiếng chim tu hú gắn liền với hình ảnh cha già, với những kỉ niệm về một thời thiếu nữ hoa niên tươi đẹp, tiếng chim tu hú len lỏi khắp bài thơ như một âm thanh u ầu, buồn thương và tiếc nuối. Trong tâm lí con người, con chim tu hú luôn mang đến cho con người những điều không may mắn. Nó là đại diện của những gì xấu xa, ma quái, đầy chết chóc. Tiếng kêu u ầu, đứt quãng, sàu bi của loài chim giấu mặt này luôn khiến cho người ta bất an, lo lắng. Tiếng chim như giục giã, như khắc khoải một điều gì da diết khiến lòng người trĩu nặng những hoài niệm, nhớ mong. Phải chăng đó chính là tiếng đồng vọng của đất trời để an ủi, sẻ chia với cuộc đời lam lũ của bà. Có lẽ, lúc ấy tác giả không hề biết điều đó, lắng nghe âm thanh tiếng chim như dấu hiệu duy nhất với niềm tin vào sự đồng cảm trong sự sống đầy khó khăn của mình. Bởi thiên nhiên luôn là bạn, luôn đồng tình và không bao giờ phản bội con người. Những câu thơ như lời đối thoại tâm tình, cháu trò chuyện với bà trong tâm tưởng, cháu trò chuyện với chim tu hú trong tình yêu thương. Và tất cả đều là sự bộc bạch của cháu dành cho người bà kính yêu. Hình ảnh của bà, hình ảnh của bếp lửa và âm thanh của chim tu hú vang vọng trong một không gian mênh mông khiến cả bài thơ nhuốm phủ sắc bàng bạc của không gian hoài niệm, của tình bà cháu đẹp như trong chuyện cổ tích. Những năm tháng thơ mộng và bình yên ấy mau chóng đi qua, đọng lại trong nhà thơ là miền kí ức đau thương của quê hương, làng xóm:

“Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi

Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi

Đờ đần bà dựng lại túp lều tranh”.

Hết đói khát lại đến giặc dã. Kẻ thù hung bạo luôn có ở xung quanh và sẵn sàng tấn công vào cuộc sống bất cứ lúc nào. Quân giặc đến, tất cả bị hủy hoại, bị đốt phá hòng dập tắt sự sống con người; hòng phá tan ước vọng hòa bình và muốn khuất phục con người bằng sức mạnh của đạn bom. Nhưng không, họ đã không chết, họ đã không đầu hàng, họ vẫn mạnh mẽ vươn lên "dựng lại túp lều tranh" làm lại từ đầu từ đống tro tàn đổ nát. Họ vẫn tin tưởng vào cách mạng, tin tưởng vào cuộc chiến, tin tưởng vào tư thế tất thắng của dân tộc. Càng bị áp bức, họ càng vững vàng hơn:

“Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh:

“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố,

Mày có viết thư chớ kể này kể nọ,

Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”.

Chi tiết thơ đậm chất hiện thực. Hiện thực cuộc sống được phản ánh khốc liệt trong câu thơ có vẻ nhẹ nhàng càng tô đậm thêm đức tính hi sinh của bà. Thành ngữ “cháy tàn cháy rụi” đem đến cảm nhận về hình ảnh làng quê hoang tàn trong khói lửa của chiến tranh. Trên cái nền của sự tàn phá hủy diệt ấy là sự cứu mạng, đùm bọc của xóm làng đối với hai bà cháu. Điều khiến cháu xúc động nhất là một mình bà già nua, nhỏ bé đã chống chọi để trải qua những năm tháng gian nan, đau khổ mà không hề kêu ca, phàn nàn. Bà mạnh mẽ, kiên cường trước hiện thực ác liệt. Đặc biệt là lời dặn cháu của bà đã làm ngời sáng vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ giàu lòng vị tha, giàu đức hi sinh:

“Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”

Không biết điều gì đang xảy ra nhưng chắc chắn người cháu nhận ra một điều đó là bà đang cố nén lại đau thương, tỏ ra bình tĩnh và sáng suốt ngay trong hoàn cảnh điêu đứng nhất. Bà đinh ninh dặn dò, lời dặn dò chắc nịch như nén lại niềm căm phẫn trước tội ác của kẻ thù tàn bạo, quyết tâm làm tốt trách nhiệm của người hậu phương luôn hướng về tiền tuyến. Người bà đã gồng mình gánh vác mọi lo toan để các con yên tâm công tác. Bà không chỉ là chỗ dựa cho đứa cháu thơ, là điểm tựa cho các con đang chiến đấu mà còn là hậu phương vững chắc cho cả tiền tuyến, góp phần không nhỏ vào cuộc kháng chiến chung của dân tộc. Tình cảm bà cháu hòa quyện trong tình yêu quê hương, Tổ quốc. Hình ảnh của bà gợi nhớ đến người mẹ thành đồng bằng con đánh giặc năm nào:

“Mẹ là nước chứa chan,

Trôi giùm con phiền muộn

Cho đời mãi trong lành

Mẹ chìm dưới gian nan”.

(Huyền thoại mẹ – Trịnh Công Sơn)

Hình ảnh người bà gắn chặt với hình ảnh bếp lửa trong kí ức tuổi thơ của người cháu. Người cháu đã ghi nhớ rất rõ theo từng giai đoạn lịch sử. Đó là năm 4 tuổi, nạn khói khủng khiếp xảy ra, cháu đã cùng bà vượt qua giai đoạn khó khăn ấy. Năm 12 tuổi, 8 năm ròng cùng bà nhóm lên bếp lửa. Bố mẹ đi kháng chiến, người bà đã thay thế, chăm nom và dạy bảo. Càng lớn lên, cháu càng thương bà, bởi đã hiểu được những khó khăn vất vả của bà. Năm giặc về đốt làng, tất cả bị hủy diệt. Dù thế bà vẫn giữ im lặng, không làm ảnh hưởng đến chiến đấu, bà chấp nhận hi sinh tất cả những gì mình có, để cùng dân tộc chống lại kẻ thù. Bếp lửa vẫn cháy xuyên suốt qua những năm tháng cam go, khốc liệt ấy. Hình ảnh bếp lửa dường như biến thành ngọn lửa của tình yêu và ngọn lửa hận thù. Đến đây, ý thơ bỗng giãn ra, miên man trong kí ức tuổi thơ tươi đẹp bên cạnh bà và bếp lửa. Giờ đây, bếp lửa và bà tuy hai mà một đã hòa quyện vào nhau thành nguồn sống mạnh mẽ, bất diệt:

“Rồi sớm rồi chiều, lại bếp lửa bà nhen,

Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn,

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng..."

Hình ảnh người bà chất chiu ngọn lửa ấm một lần nữa lặp lại. Giờ đây, bếp lửa không chỉ được nhen lên bằng nhiên liệu củi rơm mà còn được nhen lên từ ngọn lửa của sức sống, lòng yêu thương “luôn ủ sẵn” trong lòng bà, của niềm tin vô cùng “dai dẳng”, bền bỉ và bất diệt. Ngọn lửa là những kỉ niệm ấm lòng, là niềm tin thiêng liêng kì diệu nâng bước cháu trên suốt chặng đường dài. Ngọn lửa là sức sống, lòng yêu thương, niềm tin mà bà truyền cho cháu. Và bằng tất cả tình yêu thương, người cháu tiếp nhận ngọn lửa ấy, tiếp tục duy trì và bùng cháy ở ngày mai. Đến đây, ngọn lửa từ bếp lửa đã hóa thân thành biểu tượng của sức mạnh tinh thần, ý chí chiến đấu và niềm tin vĩnh hằng vào nguồn cội sinh tồn. Lửa là nguồn sống của vạn vật, của con người. Từ bàn tay bà, ngọn lửa được truyền tới muôn thế hệ mai sau. Bất chợt, nhà thơ trở về với những suy ngẫm riêng tư về người bà và bếp lửa:

“Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa

Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ

...

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ...

Ôi kỳ lạ và thiêng liêng – bếp lửa!”

Bà đã dành cả cuộc đời lận đận của mình để giữ ấm bếp lửa. Mấy chục năm trời việc trở mình dậy sớm nhóm lên bếp mỗi sớm mai đã trở thành thói quen, thành nếp sống. Bà nhóm lên ngọn lửa để làm ra cho cháu những bữa cơm no, những niềm vui ấm áp. Từ bếp lửa của bà, những bữa cơm, bữa cháo cứ đều đặn bất chấp khó khăn. Bếp lửa của bà kết nối xóm làng. Nhờ bếp lửa ấy mà người cháu biết cách sống ân nghĩa, thủy chung, biết mở lòng ra với mọi người xung quanh, biết sẻ chia, gắn bó với mọi người xung quanh. Một bếp lửa bình thường thôi mà ẩn giấu những điều phi thường. Bởi thế, nhà thơ cảm phục thốt lên:

“Ôi kỳ lạ và thiêng liêng – bếp lửa!”

Kì lạ vì bếp lửa ấy đã cháy qua mấy mươi năm, bất chấp ngày mưa, ngày nắng, bất chấp giông bão, bất chấp sự hủy hoại của kẻ thù. Mấy mươi năm nó chưa bao giờ đứt đoạn và nó sẽ lại cháy lên rực rỡ hơn, mạnh mẽ hơn đến muôn đời sau.

Thiêng liêng bởi vì nó gắn chặt với hình ảnh người bà đáng kính trong kí ức tuổi thơ. Nó cùng bà cháu đi qua thời gian. Nó xua tan bóng tối. Nó mang lại sự ấm no và hạnh phúc. Nó duy trì niềm tin tưởng và nguồn sống. Mặc khác trong đời sống tinh thần Việt Nam, bếp lửa gắn liền với thần lửa – vị thần bảo hộ của cuộc sống gia đình vốn rất được con

người kính trọng và tôn vinh. Giờ đây, khi ở nơi xa tổ quốc kỉ niệm tuổi thơ bồi hồi trong lòng tác giả, thôn thức không nguôi. Dù nay đã có muôn ánh lửa nhưng người cháu vẫn không quên ngọn lửa quê hương được nhóm lên từ đôi bàn tay cần cỗi của người bà kính yêu. Kí ức xa xăm vẫn còn in đậm trong nỗi nhớ không thể nào quên”.

“Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhớ:

Sớm mai này, bà nhóm bếp lên chưa?...”

Đã có rất nhiều bài thơ viết về hình ảnh bếp lửa nhưng đến nay không có bài thơ nào vượt qua được bài Bếp lửa của Bằng Việt. Thành công của Bằng Việt là đã khắc họa và hình tượng hóa hình ảnh bếp lửa, nâng nó lên thành một biểu tượng nghệ thuật có sức biểu cảm mạnh mẽ. Trong bài thơ có hai hình ảnh nổi bật, gắn bó mật thiết với nhau, vừa tách bạch, vừa nhòe lẫn trong nhau, tỏa sáng bên nhau. Đó là hình ảnh người bà và bếp lửa. Bà nhóm bếp lửa mỗi sáng, mỗi chiều và suốt cả cuộc đời trong từng cảnh ngộ, từ những ngày khó khăn gian khổ đến lúc bình yên. Bếp lửa còn là biểu hiện cụ thể và đầy gợi cảm về sự tảo tần, chăm sóc và yêu thương của người bà dành cho cháu con. Bếp lửa là tình bà ấm nồng, là tay bà chăm chút. Bếp lửa gắn với bao vất vả, cực nhọc đời bà. Ngày ngày bà nhóm bếp lửa là nhóm lên sự sống niềm vui, tình yêu thương, niềm tin, và hi vọng cho cháu con, cho mọi người. Từ những suy ngẫm của người cháu, bài thơ Bếp lửa biểu hiện một triết lí sâu sắc, đọng lại trong ta biết bao cảm phục. Những gì thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức tỏa sáng, nâng bước con người trong suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. Tình yêu đất nước bắt nguồn từ lòng yêu quý ông bà, cha mẹ, từ những gì gần gũi và bình dị nhất.

Bài văn hay 3: Cảm nhận bài thơ Bếp lửa

Khi lớn lên ai cũng nhớ về những kỉ niệm của tuổi thơ. Có thể là kỉ niệm với người mẹ thân yêu, với người cha tôn kính, có thể là với người bà trân trọng. Với Bằng Việt, kỉ niệm tuổi thơ đáng nhớ nhất của mình là hình ảnh người bà tảo tần sớm hôm. Hiện diện cùng bà là hình ảnh bếp lửa. Nó đã khơi nguồn cảm xúc để tác giả nhớ về bà và viết về bà qua bài thơ đậm chất trữ tình: Bếp lửa. Mở đầu bài thơ là hình ảnh bếp lửa:

“Một bếp lửa chòn vòn sương sớm

Một bếp lửa áp iu nồng đượm.”

Ba tiếng “một bếp lửa đã trở thành điệp khúc, gợi lại một hình ảnh thân thuộc trong mỗi gia đình ở làng quê Việt Nam. Hình ảnh “bếp lửa” thật ấm áp giữa cái giá lạnh của sương sớm. Đó không chỉ là cái chòn vòn của ngọn lửa mới được nhóm lên trong sương mà còn là cái chòn vòn trong tâm trí của người cháu nơi phương xa. Hình ảnh bếp lửa thân quen với biết bao tình cảm áp iu nồng đượm. Nó đã gợi lại sự săn sóc, lo lắng, chăm chút, che chở cho đứa cháu nhỏ của người bà. Từ hình ảnh bếp lửa, người cháu lại nhớ thương khi nghĩ về bà: *Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.*

Động lại trong câu thơ là chữ “thương”, thể hiện tình cảm của người cháu dành cho bà. Bà vất vả, lặng lẽ trong khung cảnh “biết mấy nắng mưa”, làm sao tính được có bao nhiêu mưa nắng khổ cực đã đi qua đời bà. Cháu thương người bà vất vả, tần tảo để khi nhớ về bà, trong kí ức của cháu hiện về những gian khổ thời còn bé!

“Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi

Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy.”

Nạn đói năm 1945 đã khiến bao người phải chịu cảnh lầm than, phải chết đi. Năm ấy, Bằng Việt mới lên bốn tuổi. Sống trong hoàn cảnh ấy thì làm sao tránh được những cơ cực. Từ ghép “mòn mỏi” được chia tách ra, đan xen với từ đói đã gợi cái cảm giác nạn đói ấy vừa kéo dài và còn làm khô cạn sức người lẫn gia súc. Kỉ niệm đáng nhớ nhất đối với người cháu là khói bếp, luồng khói được hun từ bếp lửa thân thuộc:

“Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói ...

Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu

Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay.”

Giờ đây nghĩ lại, cháu như đang sống lại những năm tháng ấy. Câu thơ ấy sức truyền cảm đặc biệt khiến người đọc không khỏi có cảm giác cay cay nơi sống mũi. Tuổi thơ ấy lớn lên trong cảnh hoang tàn của chiến tranh. Quê hương, xóm làng bị giặc tàn phá. Cuộc sống khó khăn song hai bà cháu cũng được an ủi bởi tình cảm hàng xóm láng giềng. Bởi trong hoàn cảnh chung của nhiều gia đình Việt Nam lúc ấy, những người lớn phải tham gia kháng chiến, ở nhà chỉ còn cụ già và cháu nhỏ: Mẹ cùng cha công tác bận không về. Và vì thế chỉ có hai bà cháu côi cút bên nhau. Bà kể chuyện ở Huế cho cháu nghe, bà dạy cháu học, chỉ cháu làm. Bao công việc bà đều lo hết vì bố mẹ bận công tác không về. Bà là chỗ dựa cho cháu, và đứa cháu ngoan ngoãn là nguồn vui sống của bà. Những kỉ niệm của tuổi thơ đều gắn liền với hình ảnh “bếp lửa”, bởi “lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói”, đã sớm phải lo toan. “Cháu cùng bà nhóm lửa” trong tám năm ròng rã. Tám năm đó nó cũng không phải là dài lắm nhưng sao cứ kéo dài lê thê trong lòng cháu. Cho nên, nhớ về tuổi thơ, người cháu lại “chỉ nhớ khói hun nhèm mắt”. Cảm giác ấy chân thật và xúc động. Cái làn khói bếp của ngày xưa ấy như bay đến tận bây giờ làm cay nơi sống mũi. Ngày xưa cay vì khói còn giờ đây sống mũi lại cay khi nhớ về tuổi thơ và cũng vì thương nhớ đến người bà. Người cháu nghĩ đến bà rồi nghĩ đến quê hương, đến loài chim tu hú. “Tu hú” được nhắc lại bốn lần, tiếng kêu của nó trên đồng xa như sự cảm thông cho cuộc sống đói nghèo trong chiến tranh của hai bà cháu. Và trong lời kể của bà có cả “tiếng tu hú sao mà tha thiết thế”. Tâm hồn trẻ thơ của cháu chợt dậy lên một mong mỏi:

“Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa”

Kỉ niệm của tuổi thơ đã được đánh thức, ở đó có hình ảnh người bà tần tảo sớm hôm và có hình ảnh cả quê hương. Từ những hồi tưởng về tuổi thơ, người cháu đã suy ngẫm về cuộc đời của bà. Bà đã hi sinh cả đời mình để nhóm bếp lửa và giữ cho ngọn lửa luôn ấm áp, tỏa sáng trong gia đình:

“Lặn đạn đời bà biết mấy nắng mưa

Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ

Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm.

Bà là người phụ nữ tần tảo, giàu đức hi sinh. Bếp lửa bà nhen mỗi sớm mai không chỉ bằng rơm rạ mà còn được nhen lên bằng chính ngọn lửa trong lòng bà, ngọn lửa của sự sống, lòng yêu thương và niềm tin tưởng. Từ bếp lửa bình dị, quen thuộc, người cháu nhận ra bao điều “kì diệu” và “thiên liêng”. Ngọn lửa được nhóm lên từ chính bàn tay bà đã nuôi lớn tuổi thơ cháu: “Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi thơ”. Bà lặng lẽ chịu đựng, hi sinh để: “Bố ở chiến khu, bố còn việc bố”. Chính vì thế, đứa cháu đã cảm nhận được trong bếp lửa bình dị mà thân thuộc có nỗi vất vả, gian lao của người bà.

“Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui.”

Trong bài thơ có tới mười lần người bà hiện diện cùng bếp lửa với vẻ đẹp tần tảo, hi sinh, yêu thương con cháu. Và từ “bếp lửa”, tác giả đã đi đến hình ảnh “ngọn lửa”:

“Rồi sớm chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...”

Người cháu năm xưa giờ đã trưởng thành, đi xa. Trước mắt có những “niềm vui trăm ngả”, “có khói trăm tàu”, “có lửa trăm nhà”, một thế giới rộng lớn với bao điều mới mẻ được hiện ra. Nhưng đứa cháu vẫn không ngừng hỏi: “Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?”. Mỗi ngày đều tự hỏi “Sớm mai này” là mỗi ngày cháu đều nhớ về bà, Hình ảnh người bà luôn làm ấm lòng và nâng đỡ cháu trên bước đường đi tới. Bằng Việt đã sáng tạo hình tượng “bếp lửa” vừa mang ý nghĩa thực vừa mang ý nghĩa tượng trưng. Giọng điệu tâm tình trầm lắng, giàu chất suy tư đã làm say lòng người đọc. Và bài thơ Bếp lửa của Bằng Việt như một triết lí thâm kín. Những gì đẹp đẽ của tuổi thơ đáng được trân trọng và nó sẽ nâng đỡ con người suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. Bằng Việt đã thể hiện lòng yêu thương, biết ơn bà sâu sắc. Lòng biết ơn chính là biểu hiện cụ thể của tình yêu quê hương, đất nước khi đã đi xa.

Bài văn hay 4: Cảm nhận bài thơ Bếp lửa

Bằng Việt thuộc thế hệ nhà văn trẻ được rèn luyện và trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Thơ Bằng Việt trong trẻo, mượt mà, tràn đầy cảm xúc, đề tài thơ thường đi vào khai thác những kỉ niệm, những kí ức thời thơ ấu và gọi những ước mơ tuổi trẻ. Thành công nổi bật đầu tiên của Bằng Việt là bài thơ *Bếp lửa* (1963). Đó là một bài thơ viết về tình bà cháu, tình gia đình gắn liền với tình quê hương đất nước. Sau khi xuất bản, tác phẩm này đã được bạn đọc đón nhận, làm nên tên tuổi Bằng Việt như một trong những nhà thơ hôn hậu, chân thành và đa diết.

Khổ thơ đầu chỉ vồn vẹn ba câu nhưng đã khắc sâu hình ảnh “bếp lửa” trong kí ức của tác giả. Từ bao đời nay, bếp lửa đã trở thành một vật dụng quá đỗi quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày của người dân làng quê Việt Nam. Đó là nơi đun nấu những bữa cơm ngon lành và ấm cúng cho cả gia đình sau một ngày làm việc, là nơi sum họp, ghi dấu những niềm vui, nỗi buồn, là không khí sinh hoạt gia đình đầm ấm, yên vui. Trong mỗi gia đình, không thể không có một bếp lửa. Có lẽ vì những điều ấy nên đang sống ở xứ người lạnh lẽo, tác giả chạnh lòng nhớ về bếp lửa của quê nhà:

“Một bếp lửa chòn vòn sương sớm

Một bếp lửa áp iu nồng đượm

Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”.

Ba tiếng “một bếp lửa” được nhắc lại hai lần, trở thành điệp khúc mở đầu bài thơ với giọng điệu sâu lắng, khẳng định hình ảnh “bếp lửa” như một dấu ấn không bao giờ phai mờ trong tâm tưởng của nhà thơ. Từ láy “chòn vòn” có sức gợi tả rất lớn. Nó vẽ nên một ngọn lửa không định hình, lúc to, lúc nhỏ nhưng vẫn cháy cao, tỏa sáng một cách mãnh liệt. Hình ảnh ấy vừa giúp ta hình dung làn sương sớm lạnh lạnh đang nhẹ vờn quanh bếp lửa bập bùng, lại vừa rất thích hợp để gọi lên cái mờ nhòa của kí ức theo thời gian, của những gì đã qua, đã rời xa nhưng vẫn còn có sức ám ảnh day dứt... Từ láy “áp iu” cũng là một sáng tạo mới mẻ của nhà thơ. Đó không phải là một từ láy đơn thuần là sự kết hợp và biến thể của hai từ “áp ủ” và “nâng niu”. Một bếp lửa ủ than hồng nồng đượm nhờ có bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chăm chút của người nhóm bếp. Từ hình ảnh “bếp lửa”, ta liên tưởng đến hình ảnh người nhóm bếp: người mẹ, người chị và đặc biệt trong bài thơ này là người bà – người phụ nữ cả một đời vất vả lo toan cho cháu, chăm lo, vun vén cho cuộc sống của cháu trong những năm kháng chiến chống Pháp đầy khó khăn và gian khổ. Xuyên suốt bài thơ là hai hình ảnh nổi bật và gắn bó mật thiết với nhau, nhờ lẫn trong nhau đó là “bà” và “bếp lửa”. Trong hồi tưởng của người cháu, hình ảnh bà luôn hiện diện cùng bếp lửa. Qua bao năm tháng, nắng mưa, bà vẫn nhóm bếp lửa mỗi sáng, mỗi chiều và suốt cả cuộc đời, trong mọi cảnh ngộ. Bếp lửa là biểu hiện cụ thể, đầy gợi cảm về sự tần tảo, sự chăm sóc, yêu thương của bà dành cho cháu và những người thân. Bếp lửa là tình bà ấm nóng. Bếp lửa ban ngày bà chăm chút.

Bếp lửa còn gắn với những khó khăn gian khổ của đời bà. Bếp lửa ấy cứ ám ảnh day dứt trong tâm trí, trong nỗi nhớ mà nhà thơ luôn trân trọng, gìn giữ. Chính vì điều đó, khi nghĩ đến bếp lửa, hình ảnh người bà nhân hậu lại hiện lên rất rõ trong tâm trí của nhà thơ. Vào đề chỉ với ba câu thơ nhưng lại có đến hai lần điệp ngữ “một bếp lửa”. Phải! Chỉ một bếp lửa nhỏ bé ấy cũng đủ soi sáng cả quãng đường cháu đi, đủ để gọi về cả một quá khứ, một tình yêu thương mãnh liệt. Hình ảnh ấy được lặp đi như tô, như khắc đậm thêm tình yêu thương của cháu đối với bà. Người cháu, dù đã cố kìm nén, cũng không thể nào giấu được nỗi lòng của mình:

“Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”.

Chữ “thương” diễn đạt rất chân thật, giản dị, không một chút hoa mỹ như chính tấm lòng của đứa cháu đối với bà. Chính cách nói gây xúc động đối với người nghe. Ta nghe như tiếng thơ đang thổn thức...Rất tự nhiên, hình ảnh bếp lửa đã làm trỗi dậy tình yêu thương: “Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”. Tình thương tràn đầy của cháu đã được bộc lộ một cách trực tiếp và giản dị. Đằng sau sự giản dị ấy là cả một tấm lòng, một sự thấu hiểu đến tận cùng những vất vả, nhọc nhằn, lam lũ của đời bà. Ba câu thơ mở đầu đã diễn tả cảm xúc đang dâng lên cùng với những kí ức, hồi tưởng của tác giả về bếp lửa, về bà, là sự khái quát tình cảm của người cháu với cuộc đời lam lũ của người bà. Và chính tình thương nhớ da diết đã đánh thức tác giả sống lại với bao kỉ niệm thời thơ bên cạnh bà:

“Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói

Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi

Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy

Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu

Nghĩ lại đến giờ sống mũi vẫn còn cay!”

Dường như tuổi thơ đầy gian khổ đã ăn sâu và trở thành một nỗi ám ảnh trong tâm trí của tác giả. Nhớ về những tháng ngày thơ ấu bên bà, tác giả như cảm nhận được mùi khói vẫn còn đang hăng nồng bên sông mũi. Cái mùi khói bếp ấy, mùi khói quen thuộc mà cháu đã được chịu đựng từ khi cháu lên bốn, mùi khói đã từng hun nhèm đôi mắt của cháu ngày xưa, mùi khói cay, khét vì củi ướt, vì sương nhiều và giá lạnh. Mùi khói ấy đâu chỉ do ngọn lửa bập bùng từ bếp của bà, mà đó còn là mùi khói của bom đạn, của chiến tranh, là niềm đau, nỗi cơ cực, là những khó khăn, thiếu thốn của cuộc đời của hai bà cháu nói riêng và những người dân Việt Nam nói chung trong những năm kháng chiến chống Pháp đầy vất vả, gian lao. Tuổi thơ ấy thật gian khổ, nhọc nhằn và vất vả. Tuổi thơ ấy có cái bóng đen ghê rợn của nạn đói năm 1945. Cụm từ “đói mòn đói mỏi” đã diễn tả xúc động về cái khổ của con người, của cuộc sống trong thời kì đó. Ta chợt nhớ đến lời thơ của Tố Hữu miêu tả tình cảnh nhân dân ta ngày ấy:

“Con đói lá ôm lưng mẹ khóc

Mẹ đợ con đầu thóc cầm hơi

Kiếp người cơm vãi cơm rơi

Biết đâu nẻo đất phương trời mà đi”.

Nỗi khổ ấy đã được cụ thể hóa, hình tượng hóa bằng những chi tiết gợi tả: “Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy”. Bút pháp kể, tả đan lồng vào nhau gây xúc động lòng người. Câu thơ vừa miêu tả cái biểu hiện đáng sợ của “giặc đói”, vừa là nguyên nhân khiến đứa cháu phải sống với bà. Cái đói, cái nghèo lan tràn khắp thôn xóm khiến người bố phải lên thành thị đánh xe cùng với con người gầy rạc đi vì không đủ ăn, bỏ lại đứa con thơ cho người đàn bà yêu thương, chăm sóc. Cảm nhận về nỗi vất vả, đói khổ của tuổi thơ ấu, kỉ niệm như vẫn còn nguyên, tác giả không thể nào quên: “Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!”. Cái cay, cái xót của cuộc sống đói khổ, cơ cực thấm đến lòng xương, óng máu để đến bây giờ, hơn mười năm sau nghĩ lại, cái cảm giác “cay” ấy vẫn còn nguyên vẹn nơi cánh mũi. Cái cay nơi sống mũi cứ lan tỏa, triền miên trong tâm hồn người cháu. Đường như đó là một nỗi niềm mang vị chua xót, nghẹn ngào lẫn yêu thương. Lời thơ giản dị, đậm chất văn xuôi. Người đọc như đang lạc vào một câu chuyện cổ tích về tuổi thơ của người cháu. Ở đây, bà là một bà tiên, luôn gần bó, chăm sóc, che chở về cả tinh thần lẫn vật chất cho cháu. Tình yêu thương của bà, tấm lòng nhân hậu của bà như xua tan đi bao đau thương, bao khổ cực chiến tranh. Khổ thơ đã trở thành một trong những khổ thơ gây xúc động lòng người trong cả bài thơ. Tác giả tiếp tục để mình đắm chìm trong những dòng hồi tưởng về quá khứ, về cả một tuổi thơ sống bên cạnh bà:

“Tám năm rông cháu cùng bà nhóm lửa

Tu hú kêu trên những cánh đồng xa

Khi bà hay kể chuyện những ngày ở Huế

Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!”

Giọng thơ thủ thỉ như kể một câu chuyện cổ tích. Đó là những năm tháng của cuộc sống gian khổ, cơ cực mà đứa cháu lớn lên trong sự che chở, đùm bọc, cưu mang của người bà. Tám năm. Tám năm kháng chiến. Tám năm khó khăn. Tám năm trời dài đằng đẵng với bao kỉ niệm buồn vui bên bà, bên bếp lửa. Nếu trong hồi ức lúc tác giả lên bốn tuổi, ấn tượng đậm nét nhất là mùi khói thì ở đây, ấn tượng ấy là tiếng chim tu hú. Tiếng chim tu hú vang lên vừa gợi lại trong tâm hồn tác giả bao kỉ niệm khó quên, vừa dấy lên nỗi nhớ quê hương, nhớ nhà, nhớ bà, nhớ bếp lửa. Tiếng chim tu hú gợi về những buổi mai, hai bà cháu cùng nhau nhóm lửa giữa không gian mênh mông, cô quạnh. Tiếng chim lúc mơ hồ, vang vọng từ “những cánh đồng xa”, lúc lại gần gũi, xót xa, nghe “sao mà tha thiết thế”. Tiếng chim tu hú như giục giã, khắc khoải điều gì da diết lắm khiến cho lòng người trở

dậy những hoài niệm, nhớ mong. Tiếng chim tu hú chính là hình ảnh của quê hương, nơi đó có người bà dù khó nhọc nhưng giàu tình yêu thương con cháu.

Nhà thơ đang kể chợt quay sang trò chuyện với bà, tưởng như bà đang ngồi đối diện “bà còn nhớ không bà”. Bà có nhớ những câu chuyện bà vẫn thường kể, những câu chuyện cổ tích hằng đêm, dưới ánh trăng sáng, cháu ngồi trong lòng bà, đu đưa trên chiếc võng, vừa nghe bà kể vừa mân mê những sợi tóc bạc của bà hay những câu chuyện về các anh bộ đội cụ Hồ dũng cảm, xả thân vì nước, vì dân? Bà có nhớ những việc làm tận tụy đầy yêu thương của bà dành cho cháu, nhất là trong những buổi chiều hai bà cháu ngồi nhóm bếp? Làm sao cháu có thể quên được hồi ấy:

“Mẹ cùng cha công tác bận không về

Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe

Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học

Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”.

Tình thương của bà là sự bảo ban, chăm sóc không khác gì công ơn sinh thành và nuôi dưỡng. Đối với tác giả, bà chính là mẹ, là cha, là người thầy dạy dỗ cháu nên người. Bà là người chăm chút cho cháu từ cái ăn, cái mặc đến việc học hành. Bà dạy cháu những bài học quý giá về đạo làm người, dạy cho cháu niềm tự hào về dân tộc ta, một dân tộc bất khuất, kiên cường, không bao giờ chịu khuất phục để bảo vệ quê hương Việt Nam. Đối với cháu, bà và tình yêu thương sâu lắng của bà dành cho cháu sẽ luôn là một chỗ dựa tinh thần vững chắc, là điểm tựa của tâm hồn cháu mỗi khi cháu gặp thất bại, khó khăn. Đến tận bây giờ, dù đang du học nơi xứ người, đang đứng dưới trời tiết giá lạnh, cháu vẫn cảm nhận được cái ấm áp của tình yêu thương, của sự vỗ về, chăm sóc của bà. Càng nghĩ về bà, cháu lại càng thương bà hơn. Thương bà ở một mình dưới túp lều tranh xiêu vẹo, thương bà mỗi ngày một mình nhóm lửa, lòng luôn cầu mong đứa cháu được bình an. Từ tình yêu thương sâu sắc của mình dành cho bà, tác giả quay sang khẽ trách con chim tu hú:

“Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?”

Tác giả đang trách chim tu hú mãi bay xa ngoài cánh đồng, không đến ở cùng với bà đỡ cô quạnh, đỡ buồn tủi hay tác giả đang trách sự vô tâm, bất lực của chính bản thân mình? Câu thơ như một lời than thở thật tự nhiên, cảm động vô cùng chân thật, thể hiện nỗi nhớ thương da diết người bà của đứa cháu. Thời gian cứ trôi qua, bà vẫn xa đằng đẵng... Tiếng chim tu hú khép lại khổ thơ mà cứ như xoáy sâu vào tâm trí kẻ xa quê đang dáo dác kiếm tìm những kỉ niệm yêu thương... Âm điệu trong khổ thơ thật da diết, trầm buồn, phù hợp với tâm trạng của thi sĩ: nỗi nhớ quê, nhớ bà da diết, sâu đậm, day

dứt...Kỷ niệm cũ như những thước phim thời thơ ấu tràn về trong tâm tưởng của người cháu:

“Năm giặc đốt làng cháy tàn rụi

Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi

Đỡ đàn bà dựng lại túp lều tranh”.

Chiến tranh. Chỉ cần nhắc đến hai chữ ấy thôi, ai trong chúng ta cũng đều liên tưởng đến tính khốc liệt, tàn ác mà nó đem đến cho dân tộc. Nó đã gây ra bao đau thương, mất mát cho bao người, bao gia đình. Hai bà cháu trong bài thơ cũng không ngoại lệ: gia đình bị chia cắt, nhà cửa bị đốt “cháy tàn cháy rụi”. Những lúc như vậy, duy chỉ có tình làng xóm, tình cảm giữa những con người cùng khổ, những con người cùng thấm thía được cái đau thương của chiến tranh, là không bị hủy diệt. Họ đỡ đàn nhau, đùm bọc nhau, cùng nhau vượt qua những ngày tháng gian lao, vất vả. Và trong hoàn cảnh này, hình ảnh người bà hiện lên thật đẹp với tấm lòng hi sinh cao cả. Nỗi khổ vì nhà bị giặc tàn phá, bà âm thầm chịu đựng. Từ “lầm lụi” diễn đạt rất xúc động hình ảnh bà lặng lẽ sớm hôm, muốn chia sẻ, gánh vác cùng con cháu những lo toan vất vả, nhọc nhằn. Bà vẫn chịu thương chịu khó, cặm cụi làm việc chỉ vì không muốn con mình ở chiến khu phải lo lắng cho gia đình:

Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh:

“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố,

Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ,

Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”

Lời người bà dặn cháu thật nôm na nhưng chân thực và cảm động. Nỗi khổ giặc phá làng xóm, nỗi vất vả, thiếu thốn, bà âm thầm chịu đựng. Chỉ mong sao con mình ở nơi tiền tuyến xa xôi luôn yên lòng để bảo vệ mảnh đất quê hương. Lời dặn dò giản dị ấy không chỉ giúp hiểu thêm về tấm lòng, về tình cảm thương con, thương cháu của người bà, mà còn gián tiếp đề cao những phẩm chất cao quý của bà: bình tĩnh, vững lòng, làm tròn nhiệm vụ hậu phương để yên lòng người đi công tác. Đức hy sinh, tận tảo; sự nhẫn nại, kiên trì trụ thật vững trong lòng bà đến cảm động! Cháu nhớ đến bà, nghĩ về bà và cảm nhận được rằng: bà đang hiện diện bên mình. Lời bà yêu thương, ấm lòng cứ như văng vẳng bên tai... Làm sao cháu có thể quên? Trong những ngày tháng vất vả ấy, bà vẫn giữ vững hy vọng, một niềm tin mãnh liệt vào kháng chiến:

“Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...”

Giữa tro tàn, mắt mát, đau thương, bà lại nhóm lửa. Bếp lửa ân cần ấm cúng, nhẫn nại của bà tương phản hoàn toàn với ngọn lửa hung tàn, thiêu hủy dã man của bọn giặc. Bếp lửa bà nhen ấm nồng tình yêu thương, niềm tin trong sáng mà “lòng bà luôn ủ sẵn”, “chứa niềm tin dai dẳng”. Bếp lửa bà nhen không chỉ là bếp lửa thông thường nữa mà nó chứa ngọn lửa của nghĩa tình, ngọn lửa nhóm lên trong tâm hồn đứa cháu thơ một tình cảm rộng lớn. Đó là tình bà hằng ấp ủ, tình thương bao la dạt dào suốt cả cuộc đời bà luôn dành cho cháu và những người thân yêu. Từ “bếp lửa” của lòng yêu gia đình và quê hương đất giời đã trở thành hình ảnh “ngọn lửa” mang đậm giá trị biểu tượng. Ngọn lửa. Đó là sức sống, là niềm hy vọng và niềm tin mãnh liệt của bà vào cuộc kháng chiến, vào một tương lai tươi sáng, một tương lai không có chiến tranh. Đất nước được độc lập, hòa bình, gia đình được đoàn tụ, sum họp. Ngọn lửa ấm nồng như tình bà cháu, soi sáng cả quãng đường cháu đi. Đây cũng là hình ảnh bao trùm, khái quát, là nét tình cảm tinh túy của cả bài thơ. Hình ảnh người bà hiện lên thật mộc mạc mà rục rờ, một người bà cần cù, bền bỉ, chất chiu, giàu nghị lực và có tấm lòng hi sinh cao cả. Đó là hiện thân của người phụ nữ Việt Nam, người mẹ Việt Nam trong các cuộc chiến tranh khốc liệt, vừa anh hùng, trung hậu, dũng cảm, vừa rất mực đảm đang. Ba câu thơ như một nốt nhấn, một điệp khúc khó quên trong bản tình ca: tình bà thiêng liêng cao quý. Hồi ức vẫn còn đó, hiện tại trong tâm trí nhà thơ chợt xuất hiện những dòng suy ngẫm với triết lí sâu xa:

“Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa

Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ

Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm”.

Cảm xúc “biết mấy nắng mưa” được lặp lại giống ở khổ một, đầu bài thơ: “Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”. Có phải đó là lời nhấn mạnh, sự tô đậm những nỗi cơ cực của cuộc đời bà? Cuộc đời người bà gói gọn trong hai chữ “lận đận”. Bao nhiêu khó khăn, vất vả, gian nan, “biết mấy nắng mưa”, bà âm thầm chịu đựng để được lo lắng, chăm sóc cho con cháu. Đã mấy chục năm rồi, chiến tranh vẫn đi qua, gian khổ nhọc nhằn vẫn chưa vơi bớt, bà vẫn “giữ thói quen dậy sớm”. Cuộc đời bà cứ gian nan, vất vả như vậy tưởng chừng như không bao giờ dứt. Bà là người thức khuya dậy sớm, chịu nhiều vất vả nhất trong nhà nhưng bà cũng chính là người nhóm lên trong gia đình ngọn lửa của tình yêu thương:

“Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”.

Từ “nhóm” được lặp đi lặp lại nhiều lần trong khổ thơ như lời khẳng định: bà chính là người nhóm lên trong lòng cháu ngọn lửa của tình yêu thương, của đức hy sinh cao cả. Khi nhóm lên “lửa ấp iu nồng đượm”, bà đã dạy cho cháu tình yêu thương những người ruột thịt. Nhóm tình quê “khoai sắn ngọt bùi”, bà dạy cháu tình yêu thương xóm làng, yêu mảnh đất quê nghèo. “Nhóm nồi xôi gạo mới mẻ chung vui”, bà dạy cháu phải luôn mở lòng ra với mọi người xung quanh. Bên cạnh đó, bà cũng nhắc nhở cháu rằng không bao giờ được quên đi những năm tháng nghĩa tình, những năm tháng khó khăn mà hai bà cháu đã cùng trải qua. Không chỉ nhóm lên ngọn lửa đó âm nồng và cháy sáng mãi trong lòng mọi người. Người bà kì diệu ấy đã nhóm dậy, khơi dậy, giáo dục, bồi đắp cho người cháu về cả thể xác lẫn tâm hồn, về ước mơ, lẽ sống của “tâm tình tuổi nhỏ”. Bếp lửa của bà khó khăn, nhọc nhằn, vất vả. Bà nuôi cháu khôn lớn bằng bếp lửa ấy. Vậy mà giờ đây, cháu đã du học tận trời Nga xa xôi, xa bà, xa quê hương, xa Tô quốc. Cuộc đời của cháu như một câu chuyện cổ tích. Và ở đây, bà là bà tiên hiền hậu, luôn nâng đỡ từng bước đi của cháu. Cháu đã trưởng thành từ bếp lửa của bà. Từ cuộc sống nghèo khổ, bà ươm mầm ước mơ cho cháu đi du học phương xa. Tất cả những gì cháu có được ngày hôm nay chính là nhờ ngọn lửa trong bà, ngọn lửa ấy chấp cánh cho người cháu tự tin bay vào cuộc đời cao rộng. Đứa cháu không thể trưởng thành, hay dù trưởng thành về thể xác nhưng tâm hồn cũng chẳng thể lớn khôn nếu không được nuôi dưỡng bằng ngọn lửa, bằng chính tấm lòng của người bà rất đỗi yêu thương. Người bà có một sức mạnh kì diệu từ trái tim, đã nhóm dậy trong tâm hồn đứa cháu biết bao tình cảm cao đẹp, chấp cánh cho ước mơ bay cao, bay xa để mai này cháu khôn lớn thành người. Âm điệu câu thơ dạt dào, lan tỏa như lửa ấm hay đó chính là cảm xúc đang dâng trào trong trái tim để rồi nhà thơ phải thốt lên: “Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!” Câu thơ chỉ có tám chữ mà có sức khái quát cả suy nghĩ lẫn tình cảm của tác giả dành cho hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà – người giữ lửa, nhóm lửa, truyền lửa, người xây đắp nên tuổi thơ cho cháu. Bà và bếp lửa đã trở thành một mảnh tâm hồn, một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của tác giả dù cho lúc này, hai bà cháu đang chia xa. Dù giờ đây, tuy không được ở gần bên bà, ở gần quê hương nhưng tâm hồn của người cháu vẫn luôn hướng về mảnh đất chôn nhau cắt rốn, nơi có người bà lặng lẽ, cô đơn:

“Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu

Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả

Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:

– Sớm mai này bà nhóm lửa lên chưa? ...”

Bao năm dài đằng đẵng trôi qua. Đứa cháu năm xưa nay đã khôn lớn, được bà và tình yêu thương của bà chấp cánh bay tới những phương trời xa, rộng lớn; bay tới những cuộc sống đầy đủ, với nhiều niềm vui, niềm hạnh phúc khắp nơi, khắp chốn. Vậy mà cháu vẫn không nguôi nhớ bà, không quên ngọn lửa của bà. Câu hỏi tu từ như một lời tự vấn, lời độc thoại: “- Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?...” Khép lại bài thơ thật khéo, thật hay, có sức ám ảnh day dứt trong tâm trí người đọc. Người cháu đang tự nhắc nhở bản thân

mình luôn phải nhớ về “Bếp lửa” của quê hương, nhớ về bà, chỗ dựa tinh thần vững chắc cho chúng cháu phương xa. “Bếp lửa” vừa thực tế, vừa có ý nghĩa biểu tượng cho sự yêu thương, niềm tin, nguồn cội gia đình và quê hương, sức sống bền bỉ của con người.

Bài thơ khép lại bằng một dấu câu đặc biệt, dấu chấm lửng. Dấu câu như gợi mở về một bài học đạo lý tha thiết: sống chung thủy, nhân nghĩa; phải có lòng biết ơn, có cách đối xử ân tình với gia đình, với láng giềng, với quê hương, với nguồn cội. Từ tình cảm bà cháu, bài thơ nâng dần thành tình cảm yêu làng quê, yêu Tổ quốc. Và hình tượng “bếp lửa” tượng trưng cho những kỷ niệm ấm lòng đã trở thành niềm tin thiêng liêng, kỳ diệu, in sâu vào tâm hồn tác giả; là hành trang để người cháu bước vào đời, nâng cánh ước mơ cho cháu ở những phương trời xa... Qua việc vận dụng âm điệu thơ trữ tình, sâu lắng; ngôn ngữ thơ bình dị, hình tượng bếp lửa sáng tạo cùng với các điệp ngữ, ẩn dụ đặc sắc, bài thơ đã khắc họa chân thực, xúc động hình ảnh người bà giàu tình yêu thương, đức hi sinh; tình bà cháu ấm nồng, sâu nặng thiết tha... Qua đó, tác giả đã bộc lộ thật xúc động tâm trạng nhớ nhung cùng với tình yêu thương xen lẫn cảm phục đối với người bà đáng kính.